

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2025/DS-ST
Ngày: 18/12/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Trần Minh Lý;

2. Ông Nguyễn Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trần Hoàng Phú- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Tây Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng TMCP V).

Địa chỉ: H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T

Người đại diện diện theo ủy quyền lại của ông T: Ông Cao Sơn B, sinh năm: 1991, cư trú: Số F, L, Phường L, tỉnh Tây Ninh (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng N, sinh năm: 1977. Cư trú: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V là ông Cao Sơn B trình bày:

Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị Hoàng N có thỏa thuận xác lập các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số LD2005900150, bà N vay Ngân hàng 140.700.000 đồng, thời hạn vay 43 tháng, ngày giải ngân là 28/02/2020, mục đích vay tiêu dùng.

Hợp đồng tín dụng số LD2116001457, bà N vay Ngân hàng 81.900.000 đồng, thời hạn vay 42 tháng, ngày giải ngân là 09/6/2021, mục đích vay tiêu dùng.

Hợp đồng tín dụng số LD 2126306379, bà N vay Ngân hàng 2.756.004 đồng, thời hạn vay 14 tháng, ngày giải ngân là 20/9/2021, mục đích vay tiêu dùng.

Hợp đồng tín dụng số LD2126310612, bà N vay Ngân hàng 969.677 đồng, thời hạn vay 14 tháng, ngày giải ngân là 20/9/2021, mục đích vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà N trả số tiền gốc là 109.390.785 đồng, tiền lãi tính đến ngày 16/5/2025 là 153.486.920 đồng.

Ngày 15/12/2025, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng tín dụng số LD 2126306379, số LD2126310612. Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà N trả số tiền gốc là 107.522.022 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/12/2025 là 223.817.645 đồng

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng N trình bày: Ngân hàng TMCP V và bà N có thỏa thuận xác lập hợp đồng tín dụng LD2005900150, LD2116001457, LD 2126306379, LD2126310612 theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2025. Cụ thể hai hợp đồng LD 2126306379, LD2126310612 là cơ cấu lại nợ giữa bà N và Ngân hàng.

Bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng. Bà thống nhất đồng ý trả nợ gốc cho Ngân hàng theo yêu cầu khởi kiện. Bà N không đồng ý trả tiền lãi do đã trả lãi nhiều cho Ngân hàng. Mỗi tháng bà N xin trả số tiền là 1 triệu đồng cho đến khi tất toán nợ gốc và lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan. Việc chấp hành pháp luật của các người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện Ngân hàng đã rút. Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng, và nơi cư trú bị đơn ở xã C, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7-Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

[1.2] Bà N đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Ngày 15/12/2025, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng tín dụng số LD 2126306379, số LD2126310612. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

2. Nội dung vụ án:

[2.1] Hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số LD2005900150, bà N vay Ngân hàng 140.700.000 đồng, lãi suất vay là 38%/năm, thời hạn vay 43 tháng, ngày giải ngân là 28/02/2020, mục đích vay tiêu dùng; Hợp đồng tín dụng số LD2116001457, bà N vay Ngân hàng 81.900.000 đồng, lãi suất vay là 38%/năm, thời hạn vay 42 tháng, ngày giải ngân là 09/6/2021, mục đích vay tiêu dùng được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng LD2005900150, LD2116001457 phát sinh hiệu lực giữa các bên.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và Ngân hàng TMCP V thống nhất nội dung Hợp đồng tín dụng LD2005900150, LD2116001457, bà N thừa nhận chậm thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, bà N đồng ý trả nợ gốc. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà N có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc 107.522.022 đồng (hợp đồng LD2005900150 là 48.954.988 đồng và hợp đồng LD2116001457 là 58.567.034 đồng).

Về tiền lãi:

Đối với hợp đồng LD2005900150, tính đến ngày 15/12/2025, lãi kỳ là 10.039.810 đồng, lãi quá hạn là 89.648.905 đồng

Đối với hợp đồng LD2116001457, tính đến ngày 15/12/2025, lãi kỳ là 29.970.390 đồng, lãi quá hạn là 94.158.540 đồng.

Bà N không đồng ý trả tiền lãi do đã trả lãi nhiều cho Ngân hàng. Mỗi tháng bà N xin trả số tiền là 1 triệu đồng cho đến khi tất toán nợ gốc và lãi. Việc thanh toán gốc và lãi là nghĩa vụ của bà N theo nội dung của Hợp đồng tín dụng, nợ của bà N chuyển sang nợ quá hạn theo sự thừa nhận các bên.

Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 8 và 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất, buộc bà N trả lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 15/12/2025 là 331.339.667 đồng.

Kể từ ngày 16/12/2025, cho đến khi bà N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì bà N còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng LD2005900150 ngày 28/02/2020, LD2116001457 ngày 09/6/2021 nhưng phải phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà N chịu án phí 16.566.983 đồng. Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 6.571.943 đồng theo biên lai thu số 0007827 ngày 16/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, các Điều 227; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng các Điều 299, 323, 335, 342, 422, 428, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8 và 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về tranh chấp với bà Nguyễn Thị Hoàng N liên quan hai hợp đồng tín dụng số LD 2126306379, số LD2126310612.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị Hoàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng N trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc là 107.522.022 đồng (một trăm lẻ bảy triệu năm trăm hai mươi hai nghìn không trăm hai mươi hai đồng), tiền lãi tính đến ngày 15/12/2025 là 223.817.645 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu tám trăm mười bảy nghìn sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)

Kể từ ngày 16/12/2025, cho đến khi bà N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì bà N còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng LD2005900150 ngày 28/02/2020, LD2116001457 ngày 09/6/2021 nhưng phải phù hợp quy định pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hoàng N chịu án phí 16.566.983 đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí là 6.571.943 đồng theo biên lai thu số 0007827 ngày 16/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7, tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân